|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÀ TĨNH  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ**  **PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /SNN-KHTC | *Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2021* |
| Vv báo cáo trả lời chất vấn trực tiếp Đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh khóa XVIII |  |

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo trả lời nội dung câu hỏi chất vấn trực tiếp của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XVIII, như sau:

**Câu hỏi 1:** *Hiện nay giá thức ăn gia súc, giá vật tư đầu vào tăng cao, trong khi đó giá sản phẩm đầu ra thấp nên đã hạn chế phát triển sản xuất chăn nuôi. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết thực trạng và giải pháp trong thời gian tới.*

***Trả lời:***

**1.** Sản xuất nông nghiệp nói chung, chăn nuôi nói riêng trong những năm qua trong điều kiện gặp nhiều khó khăn do thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh xảy ra gây thiệt hại lớn cho người sản xuất, giá cả, thị trường đầu ra biến động lớn. Trước bối cảnh đó, tỉnh ta đã quan tâm ban hành nhiều đề án, cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực; các ngành chức năng, địa phương vào cuộc quyết liệt chỉ đạo thực hiện, đặc biệt là người chăn nuôi đã nổ lực, cố gắng khắc phục khó khăn nên duy trì phát triển ổn định, giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2021 tăng 2,8%; tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 54% trong cơ cấu nông nghiệp; tăng tỷ lệ chăn nuôi trang trại lớn và vừa theo hướng liên kết chuỗi giá trị; chất lượng đàn vật nuôi từng bước được cải thiện; tổng đàn lợn trên 408.721 con (tăng 0,8%), đàn trâu bò trên 235.700 con, gia cầm 10,1 triệu con; sản lượng thịt hơi ước đạt trên 111.552 tấn (tăng 4,05%).

**2.** Tuy vậy, thực trạng hiện nay giá thức ăn gia súc, giá vật tư đầu vào tăng cao, trong khi đó giá đầu ra thấp như cử tri phản ảnh là chính xác, cụ thể:

*- Về giá vật tư đầu vào:* So với giá bình quân năm 2020, mức giá thức ăn chăn nuôi hiện nay tăng khoảng 30%; giá vắc xin, thuốc thú y tăng khoảng 20%. Bên cạnh đó, các chi phí sản xuất như: giá thuê nhân công, đầu tư an toàn sinh học, phòng dịch bệnh… đều tăng nên giá thành sản phẩm tăng cao. *Ví dụ như giá thành 1kg lợn hơi trước thời điểm có Dịch tả lợn Châu Phi (năm 2019) khoảng 34.000 đồng, năm 2020 là 44.000 đồng, năm 2021 tăng lên trên 55.000 đồng/kg,...*

*- Giá sản phẩm đầu ra:* Giá lợn thịt xuất chuồng thời điểm hiện tại, giá bình quân đang dao động từ 50.000-52.000 đg/kg. So với giá bình quân năm 2020 (77.000 đồng/kg), có thời điểm giảm xuống 25.000-27.000 đg/kg. Giá sản phẩm gia cầm: Giá gà ta bình quân dao động từ 50.000-65.000 đồng/kg, trong tháng 9, 10 có thời điểm xuống dưới 40.000 đồng/kg; gà lông màu khoảng 35.000-55.000 đồng/kg, có thời điểm xuống 28.000 đồng/kg *(vào tháng 6,7)*; giá bò thịt: dao động từ 80.000-85.000đ/kg (giảm 10.000 đồng/kg). Với giá bán bình quân tại thời điểm hiện nay, khi bán 1 kg lợn hơi, người chăn nuôi đang chịu lỗ khoảng 5.000 đồng; số đầu lợn càng nhiều, sản lượng càng cao thì lỗ càng nhiều.

**3.** Về nguyên nhân:

- Do biến đổi khí hậu, những năm qua thiên tai, lũ lụt liên tục xảy ra, nhiều vùng chăn nuôi ngập nặng, môi trường mầm bệnh phát tán nhanh; một số loại dịch bệnh nguy hiểm mới xuất hiện chưa có vắc xin tiêm phòng, vi rút biến chủng, điển hình là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Viêm da nổi cục... ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất.

- Mặt khác, đại dịch Covid-19 bùng phát làm đứt gãy các chuỗi cung ứng sản xuất *(các nhà máy sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y hoạt động cầm chừng; quá trình vận chuyển đường biển hàng hóa phải lưu cảng nhiều ngày, chi phí thuê container, vận chuyển tăng...)*; nhu cầu tiêu thụ giảm do các nhà máy, xí nghiệp, khách sạn, nhà hàng, các bếp ăn tập thể giảm nhu cầu thực phẩm làm thu hẹp thị trường đầu ra của các sản phẩm chăn nuôi.

- Hiện nay tỷ lệ chăn nuôi nhỏ lẻ còn lớn, số hộ chăn nuôi nhiều, phương thức, công nghệ chăn nuôi còn thấp dẫn đến giá thành sản xuất đang cao.

**4.** Dự báo tình hình, định hướng, giải pháp phát triển thời gian tới

*4.1. Trước diễn biến phức tạp, khó lường của dịch bệnh Covid-19, dự báo tình hình sản xuất chăn nuôi và tiêu thụ thời gian tới đang còn khó khăn: (1)* Nguyên liệu đầu vào, nhất là thức ăn chăn nuôi chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; *(2)* Mầm bệnh biến chủng, một số loại dịch bệnh truyền nhiễm như Viêm da nổi cục, Lở mồm long móng, Cúm gia cầm, nhất là Dịch tả lợn Châu Phi chưa có vắc xin, nguy cơ xảy ra cao gây thiệt hại lớn; *(3)* Nhu cầu tiêu thụ thực phẩm chưa cao, do khu vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại, các khách sạn, nhà hàng, bếp ăn tập thể đang hoạt động cầm chừng.

*4.2. Về định hướng, giải pháp:*

Tỉnh đang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, với các định hướng phát triển:

(1)- Đa dạng hóa vật nuôi, tùy theo diễn biến thị trường để hướng dẫn người dân, các cơ sở có phương án sản xuất hợp lý, linh hoạt về quy mô đàn; ngoài các sản phẩm chủ lực (như lợn, bò), ưu tiên phát triển các vật nuôi có lợi thế, giống bản địa, đặc sản, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn như gà, vịt, hươu,… nhằm tận dụng tối đa nguồn thức ăn sẵn có, phù hợp thị hiếu thị trường; đồng thời linh hoạt chuyển đổi, du nhập đối tượng mới, hình thức chăn nuôi để tăng hiệu quả sản xuất.

(2)- Đối với các trang trại quy mô lớn: Duy trì ổn định đàn lợn, khuyến khích các trang trại chăn nuôi áp dụng khoa học công nghệ, quản lý hiệu quả nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất. Làm đầu kéo liên kết với các nông hộ, quy mô nhỏ đủ điều kiện nhằm giảm bớt các chi phí trung gian, ổn định sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho bà con.

(3)- Đối với chăn nuôi nông hộ: Phát triển ở những vùng có điều kiện về đất đai, chăn nuôi có kiểm soát về dịch bệnh, bảo vệ môi trường (nhất là chăn nuôi lợn). Khuyến khích các hộ chăn nuôi cùng hợp tác để tham gia liên kết theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất con giống, thức ăn, quy trình sản xuất để tăng sức cạnh tranh.

(4)- Áp dụng các giải pháp tổ chức lại chăn nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản xuất như: Tăng cường năng lực sản xuất giống tại chỗ, chọn lọc, tổ chức kiểm soát chất lượng giống. Áp dụng các giải pháp về công nghệ, quản lý trang trại phù hợp để giảm chi phí sản xuất. Củng cố, phát triển các chuỗi liên kết trong chăn nuôi; thu hút các dự án mới quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh. Hướng dẫn, khuyến khích phát triển các mô hình chế biến thức ăn bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn, cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; mô hình thâm canh trồng cỏ, trồng ngô sinh khối,... kết hợp chế biến thức ăn thô xanh, hỗn hợp.

(5)- Quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động buôn bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm.

Tăng cường kiểm tra, quản lý nhà nước về chất lượng vật tư, giá cả *(trong đó chỉ đạo, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện việc nêm yết, công khai giá bán, công bố quy cách, tiêu chuẩn, thông tin về hàng hóa,...để người dân biết, lựa chọn)*; thường xuyên theo dõi, cập nhật nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường đầu vào, đầu ra để từ đó khuyến cáo, hướng dẫn người chăn nuôi.

(6)- Về giải pháp cơ chế chính sách: Hiện nay tỉnh đang đề xuất các chính sách hỗ trợ ổn định và phát triển sản xuất chăn nuôi trong giai đoạn tới:

+ Hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ người sản xuất vay vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để đầu tư phát triển hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh.

+ Hỗ trợ UBND cấp huyện, xã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn.

+ Chuyển đổi các vùng cây trồng hiệu quả thấp sang trồng cây nguyên liệu làm thức ăn cho chăn nuôi nhằm tăng sử dụng nguồn nguyên liệu thức ăn tại chỗ.

+ Tiếp tục tổng hợp, kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành sớm ban hành chính sách hỗ trợ người chăn nuôi bị thiệt hại do dịch bệnh; hỗ trợ con giống và các loại vắc xin, hóa chất trong các đợt thiên tai, dịch bệnh; đồng thời có giải pháp để kiểm soát giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào, bình ổn thị trường tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi.

**Câu hỏi 2:** *Đề nghị UBND tỉnh cho biết thực trạng và các giải pháp để hỗ trợ tiêu thụ các mặt hàng nông sản có truy xuất nguồn gốc, có nhãn hiệu, thương hiệu.*

***Trả lời:***

1. Về thực trạng hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng nông sản có truy xuất nguồn gốc, có nhãn hiệu và thương hiệu

Xác định phát triển sản xuất các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn có truy xuất nguồn gốc, gắn với xây dựng, hình thành được những mặt hàng có thương hiệu, nhãn hiệu là nội dung quan trọng trong thực hiện Tái cơ cấu nông nghiệp. Thời gian qua, tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai các giải pháp, chương trình nhằm nâng cao chất lượng, thương hiệu sản phẩm, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, hỗ trợ tiêu thụ nông sản, đạt những kết quả cụ thể:

*1.1. Về hỗ trợ phát triển sản xuất áp dụng các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, có truy xuất nguồn gốc và thương hiệu:*

Thông qua các chương trình, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đã phát triển được trên 434 cơ sở, vùng sản xuất tập trung được chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GMP, HACCP, ISO,… trên các lĩnh vực:

*- Lĩnh vực trồng trọt:* Bước đầu phát triển trên 110 ha diện tích sản xuất lúa đạt VietGAP và khoảng 114ha lúa sản xuất theo hướng hữu cơ, gắn với một số thương hiệu như gạo Xuyên Hương, gạo hữu cơ trên ruộng Rươi Cáy (ở Đức Thọ), gạo hữu cơ Quế Lâm (ở Kỳ Anh), gạo Ngọc Mầm gắn với nhà máy chế biến xuất khẩu gạo của Công ty KC (công suất 20.000 tấn/năm)… với thị trường đầu ra tiêu thụ ổn định, giá bán cao hơn so với giá các loại gạo cùng loại trên thị trường.

Trên cây ăn quả đặc sản: Phát triển trên 3.419ha bưởi Phúc Trạch tại các xã trong vùng chỉ dẫn địa lý, trong đó có hơn 448,1ha đạt chứng nhận VietGAP, 05 ha đạt tiêu chuẩn GlobalGAP. Hình thành các vùng sản xuất cam tập trung hàng hóa với tổng diện tích đạt trên 7.470 ha, trong đó trên 1.956,5ha đạt VietGAP, với nhiều thương hiệu nổi bật như cam bù Hương Sơn, cam Khe Mây, cam Thượng Lộc, cam Sơn Mai... hàng năm được tiêu thu qua hệ thống các cửa hàng, trung tâm thương mại, siêu thị lớn (BigC, Coopmart), trên các sàn thương mại điện tử (Voso, Postmark,…).

Phát triển thành công chuỗi liên kết trồng, thu mua, chế biến chè xuất khẩu của Công CP chè Hà Tĩnh đạt trên 1.200 ha (trong đó có 545ha áp dụng VietGAP), với sản lượng búp tươi đạt trên 11.000 tấn/năm; sản phẩm chè đen Hà Tĩnh là một trong 12 mặt hàng xuất khẩu chủ lực, với kim ngạch bình quân đạt 2,5 triệu USD/năm

*- Lĩnh vực chăn nuôi:* Đã có 10 cơ sở, trang trại được chứng nhận đạt GlobalGAP, VietGAHP (gồm: 01 cơ sở nuôi bò sữa, 05 cơ sở nuôi lợn, 02 cơ sở nuôi gà, 02 cơ sở nuôi ong); hình thành một số sản phẩm được bảo hộ nhãn hiệu gắn với OCOP như mật ong Hương Sơn, Vũ Quang, nhung hươu Hương Sơn...

*- Lĩnh vực thủy sản:* Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, công nghệ cao, trên đất cát với quy mô hiện đạt trên 510 ha; hình thành vùng sản xuất, nuôi trồng nhuyễn thể (nghêu, hàu, sò, ốc hương…) có thương hiệu ở xã Mai Phụ (Lộc Hà), Cẩm Lĩnh (Cẩm Xuyên),…

*- Lĩnh vực lâm nghiệp:*Thu hút đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chế biến gỗ MDF, HDF xuất khẩu (công suất 120.000 m3/năm) đảm bảo tiêu thụ hết gỗ nguyên liệu rừng trồng trên địa bàn tỉnh; hình thành trên 2.300 ha rừng trồng đạt chứng chỉ FSC. Hiện có150 ha rừng Dó trầm trồng tập trung và gần 3 triệu cây trồng phân tán ở các xã: Phúc Trạch, Hương Trạch, Hương Trà, Phú Gia huyện Hương Khê; thương hiệu Dó trầm Hà Tĩnh đã được cả nước biết đến.

*- Lĩnh vực chế biến, làng nghề nông thôn:* Đến nay có 26 cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản[[1]](#footnote-1) được chứng nhận HACCP, GMP, tiêu chuẩn ISO22000…; có 7 làng nghề và 11 nghề truyền thống được công nhận[[2]](#footnote-2); hiện có 159 sản phẩm đạt chuẩn OCOP, trong đó có 152 sản phẩm 3 sao, 7 sản phẩm 4 sao, gắn với nhiều cơ sở sản xuất, HTX nông nghiệp có nhãn mác, thương hiệu trên thị trường.

*1.2. Về hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, triển khai chuyển đổi số, kết nối tiêu thụ sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử*

- Hàng năm, UBND tỉnh đều tổ chức Lễ hội cam và các sản phẩm nông nghiệp; trong năm 2021 tổ chức 02 Hội nghị trực tuyến sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ bưởi Phúc Trạch, Cam chanh với trên 700 điểm cầu trong và ngoài tỉnh; hiện Sở Thông tin và Truyền thông đang xây dựng Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025.

- Bước đầu đã thực hiện chuyển đổi số, số hóa dữ liệu trên cây bưởi Phúc Trạch cho trên 2.609 hộ sản xuất, kinh doanh (thuộc 02 DN, 06 HTX, 128 THT và 13 vùng sản xuất) với diện tích là 899 ha; số hóa dữ liệu 1.873 ha của 1.611 hộ dân thuộc 14 HTX, 264 THT sản xuất cam chanh, cam bù theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; xây dựng Web thông tin, App bưởi Phúc Trạch, cam Hà Tĩnh. Số hóa dữ liệu cho 11.000 m2 nhà màng, nhà lưới sản xuất rau củ quả thực phẩm của 99 hộ và 12 HTX, THT với diện tích 109 ha. Có trên 150 cơ sở chế biến đã áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho 270 sản phẩm; cập nhật dữ liệu lên phần mềm quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và truy xuất nguồn gốc nông sản của tỉnh, từ đó nhằm minh bạch hóa thông tin, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

2. Tuy nhiên, việc hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng nông sản có truy xuất nguồn gốc gắn với quản lý chất lượng, nhãn hiệu chỉ bước đầu, nhìn chung sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, có liên kết theo chuỗi giá trị, có thương hiệu sản phẩm trên thị trường chưa nhiều; sản xuất chưa gắn chặt chẽ với bảo quản, chế biến, kết nối truy xuất được nguồn gốc, một số sản phẩm chủ lực có thời điểm việc tiêu thụ, mở rộng thị trường gặp khó khăn; công tác quảng bá, xúc tiến thương mại chưa duy trì thường xuyên, liên tục, hiệu quả chưa cao so với yêu cầu.

3. Một số định hướng và giải pháp trong thời gian tới

*3.1. Lựa chọn một số sản phẩm có lợi thế, thị trường tiêu thụ ổn định, sản lượng tương đối lớn để phát triển theo hướng hàng hóa, hình thành thương hiệu:*

*- Cây ăn quả (cam, bưởi Phúc Trạch):* Ổn định diện tích bưởi Phúc Trạch, cam bù, cam chanh hiện có (trên 11.000 ha); tập trung đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm, bảo quản, chế biến, truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường trong nước, hướng tới xuất khẩu thông qua chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm.

*- Lúa gạo:* Tiếp tục chuyển mạnh cơ cấu bộ giống theo hướng sử dụng các giống mới, có năng suất và chất lượng cao; mở rộng diện tích lúa theo hướng hữu cơ, VietGAP, lúa đặc sản gắn với tích tục ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn, liên kết với các nhà máy chế biến, doanh nghiệp nhằm xây dựng các thương hiệu, có truy xuất nguồn gốc, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

*- Chè công nghệp:* Duy trì, phát huy mở rộng quy mô chuỗi liên kết trồng, chế biến chè xuất khẩu gắn với thương hiệu của Công ty Chè Hà Tĩnh; tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, hướng tới các thị trường tiềm năng như EU, Nhật Bản,…

*- Chăn nuôi:* Phát triển đa dạng các loại vật nuôi, đặc biệt là các loại vật nuôi đặc hữu, đặc sản; phát triển thương hiệu các sản phẩm chăn nuôi hiện có như: hươu Hương Sơn, Mật ong Vũ Quang…; ổn định quy mô đàn lợn chăn nuôi trang trại đảm bảo an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

*- Gỗ rừng trồng, Dó trầm:* Phát triển vùng nguyên liệu thâm canh đảm bảo nguồn cung ổn định cho các nhà máy chế biến gỗ trên địa bàn phục vụ xuất khẩu. Tiếp tục phối hợp với Hội Trầm hương Hàn Quốc, Hội Trầm hương Việt Nam xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực gây trồng, tạo trầm, chế tác các sản phẩm từ cây Dó bầu; xây dựng vùng nguyên liệu trầm hương sạch chất lượng cao trên địa bàn Hương Khê.

*+ Lĩnh vực thủy hải sản, chế biến, làng nghề nông thôn:* Phát triển các vùng nuôi tôm thâm canh, nuôi tôm công nghệ cao, an toàn sinh học, có truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Duy trì, bảo tồn và phát triển các làng nghề, ngành nghề truyền thống. Quản lý, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất chế biến nông sản, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP, gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu.

3.2. Hình thành và phát triển các chuỗi liên kết bền vững giữa người dân với các doanh nghiệp từ đầu vào sản xuất cho đến đầu ra sản phẩm để đảm bảo ổn định thị trường tiêu thu; khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở bảo quản, chế biến. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong và ngoài tỉnh.

3.3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp công nghệ:

- Ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học về giống cây trồng, vật nôi để nâng cao năng suất, chất lượng tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, GMP, HACCP, ISO,… xây dựng thương hiệu nhằm hướng tới phát triển sản phẩm có truy xuất nguồn gốc, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn, cung ứng cho người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, kết nối, hỗ trợ người sản xuất đưa sản phẩm nông nghiệp lên giao dịch trên các sản thương mại điện tử, giảm khâu trung gian tiêu thụ, tăng thu nhập, hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

3.4. Chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2022-2025 sau khi HĐND tỉnh thông qua. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra giám sát trong thực hiện chính sách và công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm nông sản.

**Câu hỏi 3:** *Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình nông nghiệp; các giải pháp thời gian tới.*

***Trả lời:***

1. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình nông nghiệp

Giai đoạn 2017-2020, chính sách hỗ trợ các mô hình nông nghiệp được thực hiện theo Nghị quyết 32/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết 123/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; kết quả kinh phí hỗ trợ đạt trên 67.644 triệu đồng, chiếm 75% trong tổng kinh phí chính sách sản xuất nông nghiệp. Cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

*1.1. Lĩnh vực Trồng trọt:* Tổng kinh phí hỗ trợ các mô hình trồng trọt đạt 39.480 triệu đồng (chiếm 58,3%). Chính sách đã hỗ trợ phát triển đa dạng các loại mô hình, tác động thay đổi cơ cấu cây trồng; hình thành 232 mô hình sản xuất cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch, chè công nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP (quy mô trên 2.200ha), 266 mô hình lắp đặt hệ thống tưới và 09 mô hình nhà lưới sản xuất rau củ quả. Hỗ trợ 12 mô hình tích tụ, tập trung ruộng đất (lúa, cây hàng năm) diện tích với 121ha; 2 mô hình mua giống lúa có bản quyền; 05 mô hình liên kết trồng chè công nghiệp của Xí nghiệp chè Tây Sơn, Xí nghiệp chè 12/9, Tổng đội Thanh niên xung phong Tây Sơn… với diện tích trồng mới đạt 238,4 ha.

*1.2. Lĩnh vực chăn nuôi:* Chính sách đã hỗ trợ phát triển được 07 mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, 29 cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chuẩn VietGHap; hình thành trên 183 mô hình chăn nuôi lợn nái (quy mô từ 300 con trở lên), lợn thịt thương phẩm liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển các mô hình nuôi bò lai chuyên thịt giống BBB (quy mô từ 10-20 con), góp phần đưa tỷ lệ bò lai chiếm khoảng 57% tổng đàn; nâng cấp 02 cơ sở giết mổ có công suất từ 70 con gia súc trở lên/ngày đêm; hỗ trợ vắc xin, hóa chất phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản góp phần thúc đẩy tái cơ cấu chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại quy mô lớn, với tổng kinh phí hấp thu chính sách hỗ trợ đạt trên 2.582 triệu đồng.

*1.3. Lĩnh vực Lâm nghiệp:* Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ đạt 23.734 triệu đồng (chiếm 35%). Thông qua chính sách đã hỗ trợ phát triển các mô hình chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; xây dựng 17,1 km đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất các vùng nguyên liệu tập trung (quy mô 200ha trở lên); mô hình phát triển cây dược liệu (đạt 22 ha); hỗ trợ giống bản địa để trồng bổ sung, làm giàu rừng tự nhiên đạt trên 2.467 ha; hỗ trợ bảo vệ 9.131ha rừng tự nhiên cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, góp phần duy trì độ che phủ rừng đạt trên 52%.

*1.4. Lĩnh vực Thủy sản:* Chính sách đã hỗ trợ 01 mô hình mua giống, nuôi dưỡng cho các trại sản xuất giống cá nước ngọt; 05 mô hình tổ chức cộng đồng quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại vùng biển ven bờ; 82 tàu cá (chiều dài từ 15m trở lên) được lắp đặt bộ trang thiết bị giám sát hành trình đảm bảo theo khuyến cáo của Ủy ban nghề cá Châu âu EC; tổng kinh phí giải ngân chính sách hỗ trợ đạt 1.848 triệu đồng. Bên cạnh chính sách của tỉnh, đã xã hội hóa thu hút trên 40 HTX, THT, 10 DN đầu tư nuôi tôm công nghiệp, hình thành nhiều vùng nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao, trên cát với diện tích đạt trên 510 ha, cá biệt có mô hình nuôi thành công 3 vụ/năm, năng suất cao đạt 10 - 15 tấn/ha/vụ trong ao đất và 20 - 30 tấn/ha/vụ trong ao nuôi công nghệ cao trên cát, điển hình như vùng nuôi tại xã Kỳ Hà, vùng Đồng Khẩu xã Kỳ Ninh - TX Kỳ Anh; vùng nuôi tại xã Thạch Bằng, Thạch Châu - huyện Lộc Hà; vùng nuôi trên cát tại Xuân Liên, Cương Gián, Xuân Phổ - huyện Nghi Xuân...); phát triển các mô hình nuôi cá lồng bè trên các hồ đập, trên sông với những đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế (cá chẽm, cá hồng mỹ, diêu hồng,...).

*\* Đánh giá chung:* Chính sách khuyến khích nông nghiệp, nông thôn đã có tác động và đóng góp tích cực đến hoạt động sản xuất của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, hình thành khá nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới về giống, công nghệ, cơ giới hóa vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, làm thay đổi tập quán, phương thức canh tác theo hướng hàng hóa quy mô lớn, góp phần cải thiện chất lượng tăng trưởng, đẩy nhanh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 2%/năm, riêng năm 2021 đạt trên 3,87%.

2. Tồn tại, hạn chế: Các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa nhìn chung quy mô còn nhỏ, tỷ lệ tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, kết nối với thị trường tiêu thụ còn ít (dưới 10%) chưa tương xứng với tiềm năng và ưu tiên về cơ chế, chính sách, tập trung chỉ đạo của tỉnh; một số mô hình thử nghiệm, ứng dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật mới nhưng việc nhân ra diện rộng còn gặp khó khăn... Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ mô hình trong các lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản kết quả còn khá thấp, một số chính sách hỗ trợ chưa được hấp thu hoặc hấp thu kém như: Chính sách hỗ trợ mô hình rau, củ, quả trên đất cát hoang hóa ven biển; Chính sách hỗ trợ mô hình đầu tư xây dựng kho bảo quản sản phẩm cam bù, cam canh, bưởi Phúc Trạch, hỗ trợ mô hình xây dựng cơ sở gà giống, hỗ trợ mô hình đầu tư hệ thống xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản chưa được hấp thu,...

3. Định hướng, giải pháp phát triển thời gian tới:

*3.1. Định hướng hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp theo các nhóm chính sách lớn sau:*

- Nhóm chính sách đầu tư phát triển, nhân rộng nhanh các mô hình sản xuất hàng hóa quy mô lớn nhằm tăng các chỉ số phát triển, thúc đẩy cơ cấu lại nông nghiệp gắn với kinh tế nông thôn bao gồm: *Hỗ trợ các mô hình liên kết chuỗi sản xuất gắn tiêu thụ; hỗ trợ tập trung, tích tụ đất nông nghiệp để phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cánh đồng lớn trên các lĩnh vực Trồng trọt, Chăn nuôi, Lâm nghiệp và Thủy sản; hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; hỗ trợ phát triển thương mại nông thôn, sản phẩm OCOP; hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, nông thôn.*

- Nhóm chính sách hỗ trợ các mô hình sản xuất, hướng tới nền sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường: *Hỗ trợ đạt tiêu chuẩn VietGAP, Gloabalgap (thưởng theo kết quả đầu ra), hữu cơ trong trồng trọt; hỗ trợ xây dựng hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, mã số, mã vạch gắn với truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ ứng dụng công nghệ sinh học…*

- Nhóm chính sách hỗ trợ hướng tới an sinh xã hội có số đông đối tượng hưởng lợi trong sản xuất cho nông hộ: *Cải tạo giống bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, hỗ trợ bản quyền giống lúa, tổ cộng đồng trong khai thác thủy sản; Hỗ trợ cải tạo giống bò theo hướng chất lượng cao; bình tuyển, nuôi giữ đàn hươu đực; hỗ trợ công tác kiểm tra, phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản,...*

- Nhóm chính sách hỗ trợ các mô hình chuyển đổi số trong nông nghiệp và Chương trình OCOP: Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng và hội nhập.

*3.2. Giải pháp tổ chức triển khai thực hiện chính sách*

*-* Giao các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh phối hợp các các huyện, thị xã, thành phố tham mưu tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến triển khai chính sách; tổ chức các đợt tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ cấp huyện, xã về quy trình, hồ sơ thủ tục thực hiện chính sách; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chính sách đến người dân, doanh nghiệp để hiểu nắm bắt chính sách.

*-* Chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện chính sách kịp thời, đảm bảo phát huy hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá mức độ hấp thu của chính sách, phát hiện và đề xuất những chính sách chưa thực sự mang lại hiệu quả, cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

*-*  Ngoài chính sách của tỉnh, đề nghị các địa phương nghiên cứu, ban hành các chính sách riêng, đặc thù phù hợp để khuyến khích các sản phẩm có lợi thế trên từng địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển nhằm đạt được các mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, mục tiêu tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**Câu hỏi 4:** *Hiện nay, có hơn 07ha vùng hạ lưu chân đập hồ chứa nước Xuân Hoa của 167 hộ dân xã Cổ Đạm nhiều năm bị sình lầy không sản xuất, bỏ hoang, người dân kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới.*

***Trả lời:***

1. Tổng quan về hồ chứa nước Xuân Hoa

Hồ chứa nước Xuân Hoa, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân xây dựng năm 2005, hoàn thành bàn giao cho Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh *(sau đây viết gọn lại là Công ty Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh)* quản lý, khai thác từ tháng 12/2008. Theo thiết kế hồ có các thông số kỹ thuật chính như sau: diện tích lưu vực 11,7 km2, dung tích ứng với mực nước dâng bình thường 9,0 triệu m3, đập đất (đập đồng chất) có chiều dài 1.615m, chiều cao đập 12,9m, bề rộng mặt đập 5m, mái hạ lưu đập được trồng cỏ bảo vệ, mái thượng lưu gia cố bằng tấm bê tông cốt thép dày 12cm; thiết bị thoát nước mái hạ lưu đập kiểu lăng trụ kết hợp áp mái, bố trí theo hình thức tầng lọc ngược; tràn xả lũ bằng bê tông cốt thép, có bề rộng 70m, được bố trí bên vai trái đập, hình thức chảy tự do, lưu lượng xả qua tràn Q=239,64m3/s; cống lấy nước dưới đập (cống ngầm chảy có áp, lưu lượng qua cống Q=0,75m3/s) có khẩu độ D80cm, chiều dài 58m; hồ có nhiệm vụ cấp nước tưới cho 614 ha lúa của các xã Cổ Đạm, Xuân Liên, Xuân Thành, Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân và cấp nước thô cho nhà máy cấp nước huyện Nghi Xuân với công suất 10.000 m3 ngày.đêm. Qua quá trình vận hành, khai thác công trình đã phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất và dân sinh theo mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Về hiện trạng diện tích đất trồng lúa phía hạ lưu hồ chứa bị sình lầy:

Năm 2020, sau khi nhận được phản ánh của UBND huyện Nghi Xuân (tại Văn bản số 283/UBND-NN ngày 25/2/2020; số 2029/UBND-NN ngày 04/11/2020), UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND huyện Nghi Xuân, xã Cổ Đạm và Công ty Thủy lợi Bắc Hà Tĩnhkiểm tra thực tế, kết quả cho thấy:

Hiện trạng có khoảng 07 ha (theo báo cáo của địa phương) diện tích đất trồng lúa thuộc vùng ruộng thấp, trũng nằm dọc theo chân mái hạ lưu đập hồ chứa đoạn từ K0+200 đến K0+450 (cách chân đập khoảng 50m) bị sình lầy, người dân không sản xuất được. Hiện tượng diện tích đất trồng lúa phía hạ lưu hồ chứa Xuân Hoa bị sình lầy, trong khi kiểm tra thân đập phạm vi từ chân đập trở ra 50m (trong phạm vi bảo vệ hồ chứa nước) không phát hiện thấm nước; Sở Nông nghiệp và PTNT xét thấy đây là hiện tượng hiếm gặp từ trước tới nay đối với các hồ chứa trên địa bàn tỉnh (với hơn 351 hồ chứa nước thủy lợi). Qua xem xét tài liệu địa chất của hồ Xuân Hoa cho thấy hồ được xây dựng trên nền địa chất phức tạp, các lớp đất hình thành chủ yếu từ vũng vịnh, đất nền thuộc loại đất mềm yếu - trung bình, có hệ thấm khá cao (phía trên là lớp đất sét có chiều dày từ 1-2m, phía dưới là tầng đất cát thô); để xử lý triệt để hiện tượng nêu trên đòi hỏi phải có quá trình theo dõi, nghiên cứu, đánh giá của các cơ quan có chuyên môn sâu về thủy lợi thực hiện.

Trước tình hình đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Công ty Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh liên hệ mời Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam (cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp) vào kiểm tra, nghiên cứu, đánh giá tìm nguyên nhân từ đó đề xuất giải pháp xử lý. Tuy nhiên, trong năm qua do điều kiện dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nên Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam chưa tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá hiện trường mà đang phối hợp đơn vị liên quan thu thập, nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu thiết kế, khảo sát địa hình, địa chất… dự kiến thời gian tới Viện sẽ cử đoàn vào trực tiếp kiểm tra công trình.

UBND tỉnh đã có văn bản đề xuất Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương ưu tiên bố trí nguồn kinh phí nâng cấp hồ chứa nước hồ Xuân Hoa; nghiên cứu, xử lý dứt điểm hiện tượng diện tích đất trồng lúa phía hạ lưu hồ chứa bị sình lầy đảm bảo hiệu quả, bền vững (tại Văn bản số 4696/UBND-NL1 ngày 17/7/2020, Văn bản số 8229/UBND-NL1 ngày 07/12/2021).

3. Giải pháp thời gian tới:

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Văn bản số 8348/UBND-NL1 ngày 10/12/2021) chủ trì, phối hợp các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh, đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng hồ chứa nước Xuân Hoa và UBND huyện Nghi Xuân tổ chức kiểm tra, rà soát xác định cụ thể nguyên nhân và đề xuất phương án xử lý:

- Giao Công ty Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh (đơn vị quản lý hồ chứa) thực hiện việc kiểm định, đánh giá an toàn hồ chứa nước Xuân Hoa theo quy định Điều 20, 45 Luật Thủy lợi, từ đó xác định nguyên nhân cụ thể, đề xuất giải pháp xử lý đảm bảo hiệu quả, bền vững. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với UBND xã Cổ Đạm tiếp tục theo dõi, cập nhật diễn biến hiện tượng sình lầy để kịp thời báo cáo UBND tỉnh.

- Giao UBND huyện Nghi Xuân chỉ đạo, hướng dẫn UBND xã Cổ Đạm rà soát, đánh giá số diện tích còn khả năng canh tác để khuyến khích, động viên nhân dân tiếp tục sản xuất hoặc cân đối qũy đất dự (phòng 5%) để giao các hộ dân sản xuất; đồng thời căn cứ chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 62 ngày 11/7/2019 của Chính Phủ để hỗ trợ người dân cải tạo đồng ruộng đưa vào sản xuất diện tích đất nói trên (nếu có) nhằm hạn chế đất hoang hóa.

**Câu hỏi 5:** *Hiện nay trên địa bàn nhiều xã của huyện Đức Thọ bị ảnh hưởng nặng nề về môi trường, giao thông, thuỷ lợi do dự án công trình thuỷ lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang khi thi công xong đã không thực hiện các cam kết ban đầu. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết phương án xử lý thực trạng này.*

*Trả lời:*

1. Khái quá tình hình, tiến độ thực hiện dự án đến nay:

1.1. Hợp phần Hệ thống kênh thuộc Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1) được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012. Tổng mức đầu tư: 1.380,015 tỷ đồng, nguồn vốn TPCP do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý; tổng vốn đã được bố trí: 1.375,884 tỷ đồng (đã giải ngân hết).

- Mục tiêu, quy mô đầu tư gồm xây dựng mới đập dâng Vũ Quang (trên sông Ngàn Trươi) và 16,2 km kênh chính Ngàn Trươi để dẫn nước từ hồ Ngàn Trươi về hệ thống thủy lợi Linh Cảm.

- Dự án khởi công từ tháng 5/2013, cơ bản hoàn thành và đưa vào phục vụ sản xuất từ tháng 12/2018. Công trình đã bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành (Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh) vào ngày 29/4/2021. Hiện nay, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dụng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh *(sau đây được viết gọn là Ban QLDA tỉnh)* đang tổng hợp hồ sơ trình quyết toán dự án hoàn thành.

1.2. Dự án Hệ thống thuỷ lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 2)được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1998/QĐ-BNN-XD ngày 23/5/2017, điều chỉnh tại Quyết định số 583/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2020; tổng mức đầu tư: 1.485,685 tỷ đồng; nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý và nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, ngân sách địa phương và kế hoạch trung hạn 2021-2025.

- Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án: Nâng cấp gần 27 km kênh chính Linh Cảm để kết nối nước từ kênh chính Ngàn Trươi đã đầu tư ở giai đoạn 1 để tưới 26.227ha; xây dựng mới kênh Hương Sơn lấy nước từ hồ Ngàn Trươi để tưới 2.672 ha vùng thượng Hương Sơn; xây dựng mới kênh Cầu Động lấy nước từ kênh chính Ngàn Trươi để tưới 2.027 ha vùng ven kênh và vùng hạ Hương Sơn.

- Tiến độ dự án đến nay: Đang thi công tuyến kênh chính Linh Cảm (khởi công đầu năm 2019) với khối lượng ước đạt 85%, dự kiến cuối năm 2021 sẽ cơ bản hoàn thành; tuyến kênh Hương Sơn và kênh Cầu Động đang lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự kiến triển khai thi công giữa năm 2022.

- Về nguồn vốn: Tuyến kênh Linh Cảm đã được bố trí 595,82 tỷ đồng, giải ngân 490 tỷ đồng. Tuyến kênh Hương Sơn + Cầu Động đã được bố trí 12,5 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 *(bố trí 754,791 tỷ đồng theo QĐ số 1535 ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ)*.

1.3.Đánh giá chung:Công trình hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang là dự án lớn, trọng điểm quốc gia, đến nay công trình đầu mối Hồ Ngàn Trươi - Cẩm Trang với dung tích hồ chứa 775 triệu m3­, cùng với hệ thống kênh mương thủy lợi hiện đại dài 16km và hệ thống đường giao thông đi kèm của Hợp phần Hệ thống kênh thuộc Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 1) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất và dân sinh, góp phầm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng nông thôn của huyện Vũ Quang, Đức Thọ. Đồng thời, Dự án Hệ thống thuỷ lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 2)đang được Chủ đầu tư tập trung chỉ đạo, triển khai đảm bảo tiến độ dự án.

2. Về tiến độ khắc phục, xử lý một số hạng mục sau thi công

Qua kiểm tra thực tế tại hiện trường, cho thấy quá trình triển khai dự án thời gian qua, Chủ đầu tư đã phối hợp với UBND huyện Đức Thọ và UBND xã trên địa bàn huyện Đức Thọ rà soát, làm việc với người dân, chính quyền địa phương thống nhất các phương án xử lý, khắc phục, hoàn trả lại mặt bằng, khắc phục các công trình dân sinh bị ảnh hưởng (đường giao thông, đường nội đồng,...) trong quá trình thi công, đến nay cơ bản đã khắc phục để bàn giao cho UBND các xã quản lý. Tuy vậy, hiện còn một số nội dung, hạng mục chưa phối hợp xử lý như cử tri phản ánh, cụ thể:

*(1) – Tại xã Đức Lạng:* Hiện còn 350 m tuyến đường trục xã 01 (từ TX22 đến cây đa) và 3,2 km đường trục xã 22 (từ QL 18 đến bãi vật liệu xã Đức Lạng 2) nằm trong phương án thiết kế đường phục vụ vận chuyển đất, vật liệu thi công công trình, hiện trạng có nhiều vị trí mặt đường bị hưu hỏng (ổ gà,…) chưa thực hiện dắm vá, tu sửa như cam kết với UBND xã; đồng thời có khoảng 400 km kênh mương bê tông dọc theo tuyến đường (từ TX22 đến cây đa) bị hưu hỏng, xã đang kiến nghị Ban Quản lý dự án thực hiện đầu tư nâng cấp để phục vụ sản xuất.

*(2) - Tại Bãi vật liệu Núi Ná – xã Đức Đồng:* Quy mô khoảng 07 ha, bãi phục vụ cung cấpđất thi công tuyến kênh chính trên địa bàn huyện Đức Thọ, thời hạn cấp phép đến ngày 31/12/2021. Hiện nay, bãi sắp hết hạn sử dụng, UBND xã kiến nghị Ban Quản lý dự án sớm hoàn trả lại mặt bằng bãi vật liệu (san trả mặt bằng BVL, trồng cây, thoát nước,…) và 140m tuyến đường bê tông trục thôn đi vào BVL Núi Nátheo đúng phương án, đề án bảo vệ môi trường được UBND tỉnh phê duyệt.

*(3) - Về nội dung “Đặt lại các cửa lấy nước từ kênh chính vào kênh dẫn HTX Thanh Quang xã Đức Đồng (đầu cửa lấy nước cốt cao hơn kênh dẫn)”*:

Qua kiểm tra thực tế, Ban QLDA tỉnh đã xử lý đặt lại ống thép lấy nước dọc kênh 01 bên (có Biên bản xác nhận ngày 06/8/2021). Hiện đang còn 01 ống thép khi mở nước kênh phục vụ tưới (cho khoảng 50ha đất nông nghiệp) đặt vị trí cao hơn cốt nước nên chưa thể tự chảy vào ống thép mà buộc phải vận hành điều tiết hệ thống kênh tại cống Đức Lạc để nâng cốt nước lên thì mới tự chảy vào ống thép.

(4) - Về nội dung *“Tuyến đường nội đồng vào vùng sản xuất 25 ha ruộng của thôn Yên Thắng xã Hòa Lạc (sát chân đường Ngang Làm vào Cầu Chày) dài 350m để nhân dân đi lại sản xuất thuận tiện, đơn vị thi công đã đắp đường nhưng hiện nay một số đoạn vẫn bị sạt lở, lầy lội khi trời mưa làm nước từ kênh chảy ra thoát không kịp”.* Qua kiểm tra thực tế, tuyến đường đất chưa được UBND xã Hòa Lạc thống nhất nhận bàn giao, kiến nghị Ban QLDA tỉnh hỗ trợ ca máy để san phẳng mặt nền đường theo Biên bản cam kết của Giám đốc Ban QLDA tỉnh khi làm việc trực tiếp với người dân (theo báo cáo của UBND huyện Đức Thọ và UBND xã Hòa Lạc).

(5) - Về nội dung *“Các dốc vuốt nối đường GT nội đồng với hệ thống kênh chính và lên cầu dân sinh một số vị trí quá cao và dốc đã đề xuất nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện, đề nghị tăng độ dài các điểm vuốt nối để nhân dân thuận tiện đi lại sản xuất”.*

Qua kiểm tra, nội dung này Ban QLDA tỉnh cơ bản đã bổ sung đất đắp giảm độ dốc các đường nội đồng lên bờ kênh từ độ dốc theo thiết kế là 8% nay giảm xuống 6%; phần còn lại địa phương chủ động rà soát, đắp bổ sung để tạo thuận lợi cho người dân trên địa bàn đi lại, hoạt động sản xuất.

(6) - *Về các nội dung kiến nghị liên quan trong thi công hệ thống Kênh chính Linh Cảm (giai đoạn 2 của dự án), như về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, điều chỉnh, bổ sung thiết kế từ nền đường đất sang bê tông ...(của UBND xã An Dũng):* Qua kiểm tra thực tế, hiện nay các đơn vị đang thi công các hạng mục đầu tư, quá trình thực hiện Chủ đầu tư đã ghi nhận và đang phối hợp với UBND xã xem xét, đề xuất phương án xử lý các kiến nghị người dân trên địa bàn.

3. Giải pháp thời gian tới:

Qua kiểm tra thực tế của Sở Nông nghiệp, UBND huyện Đức Thọ, hầu hết các nội dung, kiến nghị đã được Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương khắc phục xử lý, còn một số hạng mục nhưng khối lượng không lớn:

3.1. Đối với các nội dung thuộc Hợp phần Hệ thống kênh thuộc Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1):

- UBND tỉnh giao Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (Chủ đầu tư) tiếp tục rà soát, phối hợp với UBND huyện Đức Thọ, UBND các xã tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý các nội dung, hạng mục đã thống nhất theo các biên bản cam kết với UBND các xã, trong đó:

+ Thi công dắm vá ổ gà, hoàn trả lại mặt nền tại các vị trí bị hưu hỏng do vận chuyển vật liệu (đất, đá…) trong quá thi công gồm 350 m tuyến đường trục xã 01 (từ TX22 đến cây đa) và 3,2 km đường trục xã 22 (từ QL 18 đến bãi vật liệu xã Đức Lạng 2) để ban giao UBND xã Đức Lạng quản lý theo quy định.

+ Soát xét, triển khai phương án xử lý, hoàn trả lại mặt bằng BVL (san trả mặt bằng, trồng cây, thoát nước,…); tu sửa nâng cấp 140m tuyến đường bê tông đi vào BVL Núi Nátheo phương án, đề án bảo vệ môi trường được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Tiếp tục phối hợp với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh soát xét, có giải pháp điều chỉnh, thi công đặt lại 01 cửa lấy nước từ kênh chính vào kênh dẫn HTX Thanh Quang xã Đức Đồng hoặc giải pháp điều tiết, vận hành hệ thống tuyến kênh đảm bảo cấp nước tưới trong sản xuất vụ Xuân 2021.

Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh (Chủ đầu tư) triển khai thực hiện các nội dung, tổng hợp, báo cáo kết quả gửi về UBND tỉnh trước ngày 30/01/2022.

- Giao UBND huyện Đức Thọ chỉ đạo UBND các xã trên địa bàn có tuyến kênh chính thuộc Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (giai đoạn 1) tiếp tục tăng cường tuyên truyền, vận động để cán bộ, đảng viên, người dân hiểu, nhận thức, chia sẽ, tạo đồng thuận cao về những kết quả dự án mang lại, tham gia tích cực trong công tác quản lý, bảo vệ, vận hành hệ thống công trình nhằm phát huy hiệu quả; chủ động rà soát, kịp thời khắc phục, đầu tư nâng cấp mặt nền các tuyến đường giao trục xã, thôn, đường nội đồng đảm bảo kết nối với đồng bộ với hệ thống tuyến kênh, tạo thuận lợi trong quá trình giao thông, đi lại của người dân trên địa bàn.

3.2. Đối với dự án Giai đoạn 2:

- Giao Ban QLDA tỉnh *(Với vai trò, trách nhiệm là Chủ đầu tư)* phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện: Đức Thọ, Can Lộc và UBND các xã có tuyến Kênh chính thi công trên địa bàn để kịp thời chỉ đạo các đơn vị, nhà thầu thi công hoàn thiện các hạng mục dự án; tiếp thu các kiến nghị của người dân và chính quyền địa phương để chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp, cơ quan chức năng xem xét, giải quyết các nội dung phát sinh vượt thẩm quyền Chủ đầu tư theo quy định.

- Giao UBND huyện: Đức Thọ, Can Lộc chỉ đạo UBND các xã trên địa bàn có tuyến Kênh chính đang thi công tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân chia sẽ, đồng thuận, tháo gỡ khó khăn, giải quyết các vướng mắc về giải phòng mặt bằng, tạo điều kiện các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ dự án đảm bảo kế hoạch phê duyệt.

Trên đây là nội dung trả lời câu hỏi chất vấn trực tiếp của Đại biểu tại Kỳ họp thứ 4, HĐND tỉnh khoá XVIII, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân, các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh./

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Giám đốc, các Phó GĐ Sở;  - Lưu: VT, KHTC. | **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Văn Việt** |

1. gồm: 16 cơ sở có giấy chứng nhận HACCP (01 chế biến gạo, 02 chế biến chè, 02 chế biến nhung hươu, 02 chế biến mật ong; 09 chế biến thủy sản); 06 cơ sở có giấy chứng nhận GMP(01 chế biến gạo, 02 chế biến thịt, 01 chế biến nhung hươu, 02 chế biến thủy sản); 04 cơ sở giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO22000 (01 chế biến gạo, 02 chế biến nấm, 01 chế biến thủy sản). [↑](#footnote-ref-1)
2. Gồm: Mộc Thái Yên; Rèn đúc Trung Lương; Mộc Tràng Đình, xã Yên Lộc; Chổi đót Hà Ân, xã Thạch Mỹ; Đóng thuyền Trường Sơn ; Mộc Thái Yên; Chế biến nước mắm Cẩm Nhượng; Nón lá Kỳ Thư; Mây tre đan Yên Mỹ, xã Liên Minh; Chiếu cói Nam Sơn, thị trấn Nghèn; Chế biến nước mắm Tam Hải; nước mắm Xuân Phú, xã Kỳ Xuân; Mộc Phổ Trường, xã Xuân Phổ. [↑](#footnote-ref-2)